

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
II.1	Kiến thức cơ sở ngành	Foundation Subjects			21									
17	Nhập môn kỹ thuật ngành Thủy văn và Tài nguyên nước	Introduction to Hydrology and Water Resources	IHWR111	Thủy văn và tài nguyên nước	2		2							
20	Đồ họa kỹ thuật 1	Technical Graphics 1	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
21	Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics	FLME214	Thủy lực	3			3						
22	Thủy lực công trình	Hydraulics Engineering	HYDR325	Thủy lực	3			3						
23	Thủy văn đại cương	General Hydrology	GEHYD315	Thủy văn và tài nguyên nước	4				4					
24	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2				2					
25	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1				1					
26	Ứng dụng viễn thám trong thủy văn và giảm nhẹ thiên tai	Remote Sensing and GIS	RSGIS224	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	2				2					
27	Ứng dụng GIS trong thủy văn và giảm nhẹ thiên tai	GIS application in hydrology and disaster reduction	GISDR234	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	2				2					
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			44									
30	Địa kỹ thuật	Geotechnical Engineering	CE355	Địa kỹ thuật	4				4					
28	Thống kê trong thủy văn	Statistics in Hydrology	STHYD316	Thủy văn và tài nguyên nước	3					3				
29	Thủy văn nước mặt	Surface Hydrology	SHYDR316	Thủy văn và tài nguyên nước	4					4				
31	Đo đạc và chỉnh lý số liệu thủy văn	Hydrometry and Data Processing	HYD315	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	2					2				
32	Thực tập đo đạc và chỉnh lý số liệu thủy văn	Practice of Hydrometry and Data Processing	HYD325	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	1					1				
33	Khí tượng	Meteorology	MTEO315	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	3					3				
44	Tin học ứng dụng trong thủy văn	Applied Information Technology in Hydrology	AITH415	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	3					3				
34	Thực tập khí tượng	Practice of Meteorology	MTEO325	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	1						1			
35	Dự báo thời tiết	Weather forecast	WCLIM315	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	2						2			
36	Khí hậu học	Climate	WCLIM325	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	2						2			

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
37	Thủy văn đô thị	Urban Hydrology	URHYD418	Thủy văn và tài nguyên nước	2						2			
38	Địa lý thủy văn	Hydro-Geography	HGEO418	Thủy văn và tài nguyên nước	3						3			
39	Thủy văn nước dưới đất	Underground Hydrology	GHYDR316	Thủy văn và tài nguyên nước	3						3			
42	Động lực học sông biển	Estuary Dynamics	EDY316	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	3						3			
40	Thủy lực sông ngòi	River Hydraulics	RHYDR315	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	3							3		
41	Điều tiết dòng chảy	Flows Regulation	FLOR417	Thủy văn và tài nguyên nước	2							2		
43	Quản lý và kiểm soát lũ, hạn	Flood and Drought Control and Management	FDCM417	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	3							3		
II.3	Kiến thức ngành	Core Area Subjects			21									
45	Mô hình toán thủy văn tất định	Mathematical Modelling in Hydrology	MMHYD418	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	3						3			
46	Mô hình toán thủy văn ngẫu nhiên	Mathematical Modelling in Hydrology	MMHS417	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	2							2		
47	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	Water Resources Planning and Management	MOWR417	Thủy văn và tài nguyên nước	3							3		
48	Quản lý thiên tai	Disater management	DM417	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	3								3	
49	Dự báo thủy văn	Hydrological Forecasting	HYDF427	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	3								3	
50	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	Integrated Watershed Management	INWM417	Thủy văn và tài nguyên nước	3								3	
51	Chỉnh trị sông và bờ biển	River and Coastal Training	RCTR316	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	3								3	
52	Thực tập chỉnh trị sông và bờ biển	Practice of River and Coastal Training	RCTR326	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	1								1	
II.4	Học phần tốt nghiệp	Graduation thesis			7									7
II.5	Kiến thức tự chọn	Selectives			8							4	4	
II.5.1	Chuyên ngành Thủy văn và tài nguyên nước	Hydrology and Water Resources			8							4	4	
1	Phân tích tính toán thủy văn	Hydrologic analysis	HYA317	Thủy văn và tài nguyên nước	2							2		
2	Đánh giá tác động môi trường	Environment Impact Assessment	ENV316	Quản lý môi trường	2							2		

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
2	Đánh giá tác động môi trường	Environment Impact Assessment	ENV316	Quản lý môi trường	2							2		
3	Phân tích rủi ro	Risk Analysis	RIA417	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	2								2	
4	Mô hình toán và phân tích không gian	Spatial analysis and Modelling	SAM418	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	2								2	
5	Quản lý Tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Water management in the context of Climate change	WMCC224	Mô hình toán và dự báo khí tượng thủy văn	2							2		
6	Quản lý tài nguyên môi trường	Environmental Resources Management	ENV316	Quản lý môi trường	3							3		
7	Quy hoạch và quản lý mạng lưới trạm tài nguyên nước	Planning and Management Network of Water Resources	PMHW224	Thủy văn và tài nguyên nước	2							2		
8	Pháp luật và chính sách Tài nguyên nước	Law and policy of Water Resources	LPWR224	Thủy văn và tài nguyên nước	2							2		
9	Điều tra thủy văn và môi trường	Hydrological and environmental investigation	HAE419	Thủy văn và tài nguyên nước	2							2		
10	Quản lý chất lượng nước	Water quality management	EV417	Quản lý môi trường	2								2	
	Tổng cộng (I + II)	Total			146	14	16	18	20	18	19	17	17	7